

PHÒNG GD&ĐT TP BẢO LỘC

A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ TOÁN – LỚP 7

T T	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	2 (TN) 0,5đ								22,5%
		Các phép tính với số hữu tỉ					1 (TL) 1,0đ		1 (TL) 0,75đ		
2	Số thực	Căn bậc hai số học	1 (TN) 0,25đ			1 (TL) 0,5đ					22,5%
		Số vô tỉ. Số thực	1 (TN) 0,25đ	2 (TL) 1,0đ	1 (TN) 0,25đ						
3	Các hình khối trong thực tiễn	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	1 (TN) 0,25đ		1 (TN) 0,25đ						17,5%
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác			1 (TL) 0,5đ		1 (TL) 0,75đ				
4	Góc và đường thẳng song song	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	2 (TN) 0,5đ								20,0%
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song			1 (TN) 0,25đ	1 (TL) 0,75đ					

		Khái niệm định lí, chứng minh một định lí						1 (TL) 0,5đ			
5	Một số yếu tố thống kê.	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước			1 (TN) 0,25đ	1 (TL) 0,5đ					17,5%
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	1 (TN) 0,25đ			1 (TL) 0,75đ					
		Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có									
Tổng: Số câu Điểm			8 2,0	2 1,0	4 1,0	5 3,0		3 2,25		1 0,75	23 10,0
Tỉ lệ %			30%		40%		22,5%		7,5%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số hữu tỉ	<i>Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ</i>	Nhận biết: - Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. - Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. - Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. Thông hiểu: - Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số. Vận dụng: - So sánh được hai số hữu tỉ.	2TN			
		<i>Các phép tính với số hữu tỉ</i>	Thông hiểu: - Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). - Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng: - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.				1TL

			- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...). Vận dụng cao: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.				1TL
2	Số thực	Căn bậc hai số học	Nhận biết: - Nhận biết được căn bậc hai số học của một số không âm. Thông hiểu: - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay	1TN		1TL	
		Số vô tỉ. Số thực	Nhận biết: - Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. - Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực. - Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. - Nhận biết được số đối của một số thực. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực. - Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.	2TN 2TL			

			Vận dụng: - Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước				
3	Các hình khối trong thực tiễn	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	Nhận biết: - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương. Thông hiểu: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).	1TN	1TN		
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	Nhận biết: - Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật). Thông hiểu: - Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. - Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...).		1TL		

			Vận dụng: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.			1TL	
4	Các hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	Nhận biết: - Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). - Nhận biết được tia phân giác của một góc. - Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập	2TN			
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	Nhận biết: - Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. Thông hiểu: - Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. - Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.		1TN 1TL		
		Khái niệm định lý, chứng minh một định lý	Nhận biết: - Nhận biết được thế nào là một định lý. Thông hiểu: - Hiểu được phần chứng minh của một định lý; Vận dụng: - Chứng minh được một định lý;			1TL	
5	Thu thập và	Thu thập, phân loại,	Thông hiểu:		1TN		

	phân loại dữ liệu	<i>biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước</i>	- Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo;...). Vận dụng: - Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn.			1TL	
		<i>Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ</i>	Nhận biết: - Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu. Thông hiểu: - Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng biểu đồ thống kê: biểu đồ hình quạt tròn (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph). Vận dụng: - Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (<i>pie chart</i>); biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>)	1TN		1TL	
	Phân tích và xử lí dữ liệu	<i>Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có</i>	Nhận biết: - Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 7 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 7, Khoa học tự nhiên lớp 7,...) và trong thực tiễn (ví dụ: môi trường, y học, tài chính,...). Thông hiểu:				

		- Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (<i>pie chart</i>); biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>). Vận dụng: - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (<i>pie chart</i>); biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>).				
--	--	---	--	--	--	--

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ BẢO LỘC

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 02 trang)

Mã đề: 02

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN: TOÁN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

(Không kể thời gian giao đề)

Ngày kiểm tra: 05/01/2024

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm) Chọn câu trả lời đúng

Câu 1. Hai góc đối đỉnh thì

- A. kề nhau; B. bù nhau; C. bằng nhau; D. kề bù.

Câu 2. Số đối của $\frac{15}{16}$ là

- A. $\frac{15}{16}$; B. $-\frac{15}{16}$; C. $\frac{16}{15}$; D. $-\frac{16}{15}$.

Câu 3. Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng phân biệt a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị bằng nhau thì

- A. a trùng với b; B. a cắt b; C. $a \perp b$; D. $a \parallel b$.

Câu 4. Căn bậc hai số học của 169 là

- A. -13; B. 13; C. 14; D. -14.

Câu 5. Điểm kiểm tra học kì I môn Toán của 4 bạn Mai, Hùng, Lan, Nhung được ghi lại trong bảng thống kê sau:

Tên học sinh	Mai	Hùng	Lan	Nhung
Điểm	8,5	7,5	10,5	9,0

Trong bảng thống kê trên, số liệu nào không hợp lí?

- A. 10,5; B. 9; C. 8,5; D. 7,5.

Câu 6. Chọn khẳng định đúng

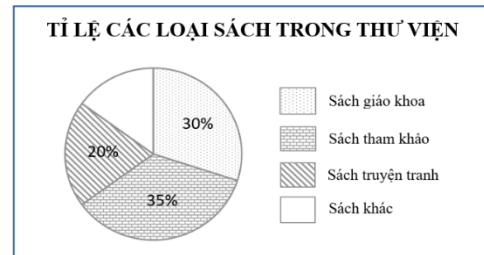
- A. $\sqrt{3} \in \mathbb{N}$; B. $\sqrt{3} \in \mathbb{Z}$; C. $\frac{2}{3} \in \mathbb{Q}$; D. $-9 \in \mathbb{N}^*$.

Câu 7. Cho $\widehat{xOy} = 70^\circ$, tia Ot là tia phân giác của $\widehat{xOy}$. Khi đó, số đo $\widehat{xOt}$ bằng

- A. 140° ; B. 70° ; C. 40° ; D. 35° .

Câu 8. Quan sát biểu đồ và cho biết: Các loại sách khác chiếm bao nhiêu phần trăm?

- A. 15%; B. 20%;
C. 25%; D. 30%.



Câu 9. Trong các số sau đây, số nào là số vô tỉ?

- A. $\sqrt{25}$; B. $\sqrt{16}$; C. $\sqrt{17}$; D. $\sqrt{9}$.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về hình lập phương?

- A. Có 6 mặt, 8 đỉnh và 12 cạnh; B. Có 8 mặt, 6 đỉnh và 12 cạnh;
C. Có 4 đường chéo; D. Có các cạnh đều bằng nhau.

Câu 11. Cho $|x| = 4$ thì giá trị của x là

- A. 4; B. -4; C. 16; D. -4 hoặc 4.

Câu 12. Bạn An làm một chiếc hộp để đựng quà sinh nhật bằng bìa cứng có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 25cm, chiều rộng 20cm, chiều cao 10cm. Thể tích của chiếc hộp là

A. 5000cm^3 ; B. 900cm^3 ; C. 4500cm^3 ; D. 500cm^3 .

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13. (1,0 điểm) a) Tính: $\sqrt{9} + |-12|$.

b) Dùng máy tính cầm tay để tính căn bậc hai số học của 2024 và làm tròn kết quả đến hàng phần trăm.

Câu 14. (1,5 điểm) a) Thực hiện phép tính: $\frac{17}{9} + \left(\frac{1}{3}\right)^7 : \left(\frac{1}{3}\right)^5 - 9$

b) Tính hợp lí: $\left(\frac{-3}{17} + \frac{5}{13}\right) - \left(\frac{14}{17} - \frac{8}{13}\right)$

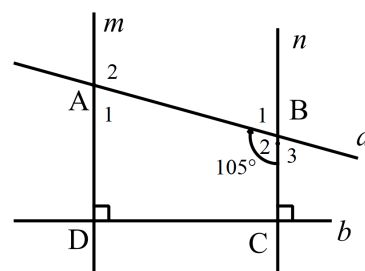
c) Tìm x, biết: $5\frac{3}{4} + \frac{1}{4} : x = 5\frac{1}{2}$

Câu 15. (1,25 điểm)

Cho hình vẽ, biết $m \perp b; n \perp b$; $\widehat{B_2} = 105^\circ$

a) Vì sao $m \parallel n$?

b) Tính số đo $\widehat{A_1}$.



Câu 16. (1,25 điểm) Bảng dữ liệu sau cho biết doanh thu trong 6 tháng cuối năm của một cửa hàng bán quần áo:

Tháng	7	8	9	10	11	12
Doanh thu (triệu đồng)	60	55	72	56	70	85

a) Em hãy vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu trên.

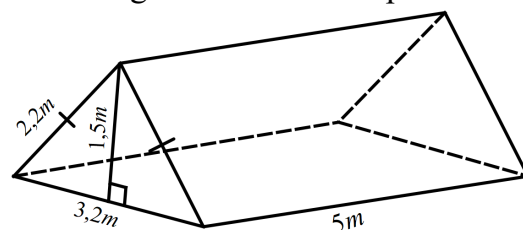
b) Tháng nào cửa hàng có doanh thu cao nhất? Tháng nào cửa hàng có doanh thu thấp nhất?

Câu 17. (1,25 điểm) Trong hoạt động ngoại khóa của trường, chi đội lớp 7B dựng một cái lều trại có dạng lăng trụ đứng tam giác với các kích thước như hình vẽ và đo được chiều cao của lều trại khoảng 1,5m.

a) Tính thể tích của lều trại;

b) Biết lều trại phủ vải bạt bốn phía trừ mặt tiếp đất.

Tính diện tích vải bạt cần phải có để dựng lều trại.



Câu 18. (0,75 điểm) Nhân dịp cuối năm, cửa hàng A giảm giá 30% cho tất cả các sản phẩm.

a) Biết đôi giày bạn Nam mua ở cửa hàng A có giá niêm yết là 450 000 đồng. Hỏi bạn Nam phải trả bao nhiêu tiền cho đôi giày đó? (Bạn Nam không phải là khách hàng thân thiết).

b) Cửa hàng A có thêm chính sách khuyến mãi với khách hàng thân thiết được giảm thêm 5% trên giá đã giảm. Biết bạn Phúc là khách hàng thân thiết của cửa hàng A và bạn Phúc phải trả số tiền mua một cây vợt cầu lông là 399 000 đồng. Hỏi giá ban đầu của cây vợt đó là bao nhiêu?

-----Hết-----

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ BẢO LỘC

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 02 trang)

Mã đề: 01

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN: TOÁN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

(Không kể thời gian giao đề)

Ngày kiểm tra: 05/01/2024

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm) Chọn câu trả lời đúng.

Câu 1. Căn bậc hai số học của 169 là

- A. 13; B. -14; C. 14; D. -13.

Câu 2. Chọn khẳng định đúng

- A. $\sqrt{3} \in \mathbb{N}$; B. $\sqrt{3} \in \mathbb{Z}$; C. $\frac{2}{3} \in \mathbb{Q}$; D. $-9 \in \mathbb{N}^*$.

Câu 3. Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng phân biệt a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị bằng nhau thì

- A. $a \parallel b$; B. a cắt b; C. $a \perp b$; D. a trùng với b.

Câu 4. Cho $\widehat{xOy} = 70^\circ$, tia Ot là tia phân giác của $\widehat{xOy}$. Khi đó, số đo $\widehat{xOt}$ bằng

- A. 140° ; B. 40° ; C. 70° ; D. 35° .

Câu 5. Trong các số sau đây, số nào là số vô tỉ?

- A. $\sqrt{25}$; B. $\sqrt{16}$; C. $\sqrt{17}$; D. $\sqrt{9}$.

Câu 6. Cho $|x| = 4$ thì giá trị của x là

- A. 4; B. -4 hoặc 4; C. -4; D. 16.

Câu 7. Số đối của $\frac{15}{16}$ là

- A. $\frac{15}{16}$; B. $\frac{16}{15}$; C. $-\frac{15}{16}$; D. $-\frac{16}{15}$.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về hình lập phương?

- A. Có 6 mặt, 8 đỉnh và 12 cạnh; B. Có 8 mặt, 6 đỉnh và 12 cạnh;
C. Có 4 đường chéo; D. Có các cạnh đều bằng nhau.

Câu 9. Điểm kiểm tra học kì I môn Toán của 4 bạn Mai, Hùng, Lan, Nhung được ghi lại trong bảng thống kê sau:

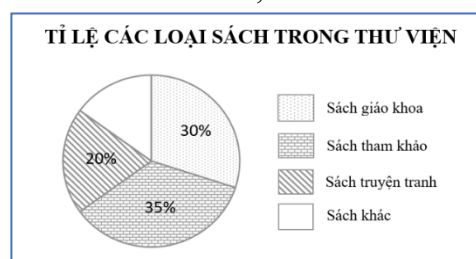
Tên học sinh	Mai	Hùng	Lan	Nhung
Điểm	8,5	7,5	10,5	9,0

Trong bảng thống kê trên, số liệu nào không hợp lí?

- A. 7,5; B. 8,5; C. 9,0; D. 10,5.

Câu 10. Quan sát biểu đồ và cho biết: Các loại sách khác chiếm bao nhiêu phần trăm?

- A. 20%; B. 30%;
C. 25%; D. 15%.



Câu 11. Hai góc đối đỉnh thì

- A. bằng nhau; B. bù nhau; C. kề nhau; D. kề bù.

Câu 12. Bạn An làm một chiếc hộp để đựng quà sinh nhật bằng bìa cứng có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 25cm, chiều rộng 20cm, chiều cao 10cm. Thể tích của chiếc hộp là

- A. 900cm^3 ; B. 5000cm^3 ; C. 500cm^3 ; D. 4500cm^3 .

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13. (1,0 điểm) a) Tính: $\sqrt{9} + |-12|$.

b) Dùng máy tính cầm tay để tính căn bậc hai số học của 2024 và làm tròn kết quả đến hàng phần trăm.

Câu 14. (1,5 điểm) a) Thực hiện phép tính: $\frac{17}{9} + \left(\frac{1}{3}\right)^7 : \left(\frac{1}{3}\right)^5 - 9$

b) Tính hợp lí: $\left(\frac{-3}{17} + \frac{5}{13}\right) - \left(\frac{14}{17} - \frac{8}{13}\right)$

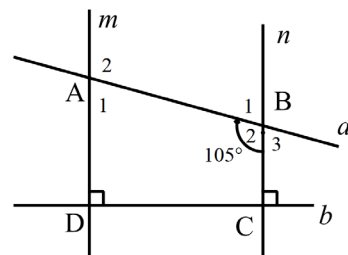
c) Tìm x, biết: $5\frac{3}{4} + \frac{1}{4} : x = 5\frac{1}{2}$

Câu 15. (1,25 điểm)

Cho hình vẽ, biết $m \perp b; n \perp b; \widehat{B_2} = 105^\circ$

c) Vì sao $m \parallel n$?

d) Tính số đo $\widehat{A_1}$.



Câu 16. (1,25 điểm) Bảng dữ liệu sau cho biết doanh thu trong 6 tháng cuối năm của một cửa hàng bán quần áo:

Tháng	7	8	9	10	11	12
Doanh thu (triệu đồng)	60	55	72	56	70	85

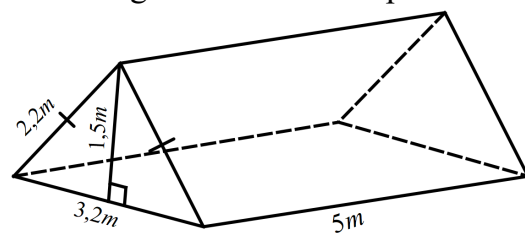
c) Em hãy vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu trên.

d) Tháng nào cửa hàng có doanh thu cao nhất? Tháng nào cửa hàng có doanh thu thấp nhất?

Câu 17. (1,25 điểm) Trong hoạt động ngoại khóa của trường, chi đội lớp 7B dựng một cái lều trại có dạng lăng trụ đứng tam giác với các kích thước như hình vẽ và đo được chiều cao của lều trại khoảng 1,5m.

c) Tính thể tích của lều trại;

d) Biết lều trại phủ vải bạt bốn phía trừ mặt tiếp đất. Tính diện tích vải bạt cần phải có để dựng lều trại.



Câu 18. (0,75 điểm) Nhân dịp cuối năm, cửa hàng A giảm giá 30% cho tất cả các sản phẩm.

c) Biết đôi giày bạn Nam mua ở cửa hàng A có giá niêm yết là 450 000 đồng. Hỏi bạn Nam phải trả bao nhiêu tiền cho đôi giày đó? (Bạn Nam không phải là khách hàng thân thiết).

d) Cửa hàng A có thêm chính sách khuyến mãi với khách hàng thân thiết được giảm thêm 5% trên giá đã giảm. Biết bạn Phúc là khách hàng thân thiết của cửa hàng A và bạn Phúc phải trả số tiền mua một cây vợt cầu lông là 399 000 đồng. Hỏi giá ban đầu của cây vợt đó là bao nhiêu?

-----Hết-----

ĐỀ CHÍNH THỨC

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
MÔN TOÁN 7 - Năm học: 2023 – 2024
(Bản hướng dẫn chấm gồm 02 trang)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25đ

Mã đề 01

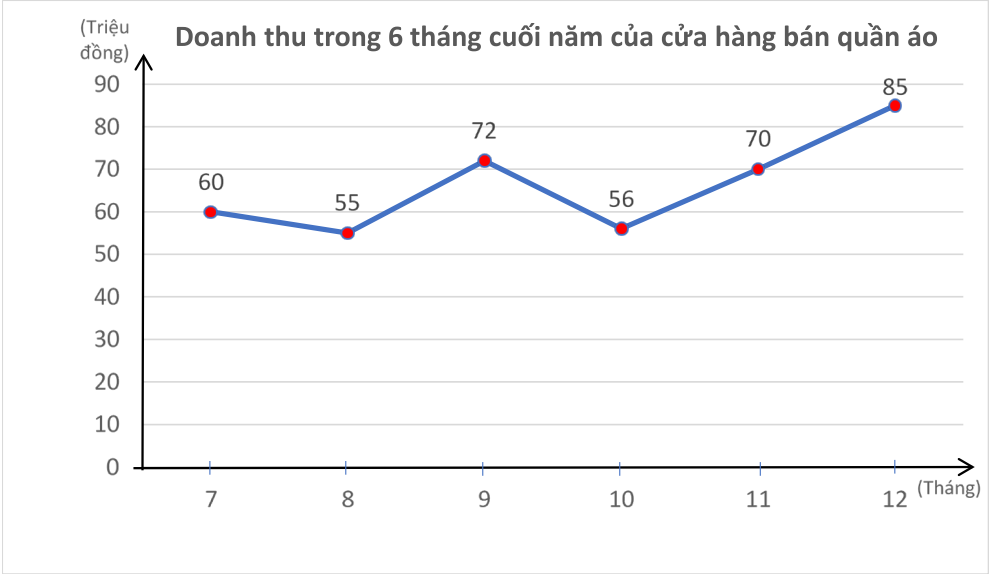
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	C	A	D	C	B	C	B	D	D	A	B

Mã đề 02

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	D	B	A	C	D	A	C	B	D	A

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Lời giải	Điểm
13 (1,0đ)	a) $\sqrt{9} + -12 = 3 + 12 = 15$ b) $\sqrt{2024} = 44,98888... \approx 44,99$	0,25đx2 0,25đx2
14 (1,5đ)	a) $\frac{17}{9} + \left(\frac{1}{3}\right)^7 : \left(\frac{1}{3}\right)^5 - 9 = \frac{17}{9} + \left(\frac{1}{3}\right)^2 - 9$ $= \frac{17}{9} + \frac{1}{9} - 9 = -7$ b) $\left(\frac{-3}{17} + \frac{5}{13}\right) - \left(\frac{14}{17} - \frac{8}{13}\right) = \left(\frac{-3}{17} - \frac{14}{17}\right) + \left(\frac{5}{13} + \frac{8}{13}\right)$ $= -1 + 1 = 0$ c) $5\frac{3}{4} + \frac{1}{4} : x = 5\frac{1}{2}$ $\frac{1}{4} : x = 5\frac{1}{2} - 5\frac{3}{4}$ $\frac{1}{4} : x = -\frac{1}{4}$ $x = -1$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
15 (1,25đ)	a) Ta có $\left. \begin{array}{l} m \perp b \\ n \perp b \end{array} \right\} \Rightarrow m // n$ b) Ta có $\widehat{B}_1 + \widehat{B}_2 = 180^\circ$ (hai góc kề bù) $\widehat{B}_1 = 180^\circ - \widehat{B}_2$	0,5đ

	$= 180^0 - 105^0 = 75^0$ Vì $m // n$ nên $\widehat{A_1} = \widehat{B_1}$ (hai góc so le trong) Mà $\widehat{B_1} = 75^0$ nên $\widehat{A_1} = 75^0$	0,25đ 0,25đ 0,25đ
16 (1,25đ)	a) Vẽ đúng biểu đồ đoạn thẳng  Học sinh vẽ đúng 2 trục vuông góc trong đó trục ngang biểu diễn các tháng, trục thẳng đứng biểu diễn độ lớn của dữ liệu được 0,5đ b) Tháng 12 cửa hàng có doanh thu cao nhất. Tháng 8 cửa hàng có doanh thu thấp nhất.	0,75đ 0,25đ 0,25đ
17 (1,25đ)	a) Thể tích của lều trại là: $\frac{1}{2} \cdot 1,5 \cdot 3,2 \cdot 5 = 12 \text{ (m}^3\text{)}$ b) Diện tích hai mặt đáy là: $\frac{1}{2} \cdot 1,5 \cdot 3,2 \cdot 2 = 4,8 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích các mặt bên được phủ bạt là: $2 \cdot 2,2 \cdot 5 = 22 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích vải bạt cần để dựng lều trại là: $4,8 + 22 = 26,8 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
18 (0,75đ)	a) Số tiền bạn Nam phải trả cho đôi giày là: $450000 - 450000 \cdot 30\% = 315000 \text{ (đồng)}$ b) Giá của cây vợt cầu lông trước khi được giảm giá thêm 5% là: $399000 : (100\% - 5\%) = 420000 \text{ (đồng)}$ Giá ban đầu của cây vợt bạn Phúc đã mua là: $420000 : (100\% - 30\%) = 600000 \text{ (đồng)}$	0,25đ 0,25đ 0,25đ

**Lưu ý: Học sinh làm cách khác đúng và logic, giáo viên phân bước cho điểm.*